

S T T	Học phần	Số tiết		Số tiết học trong 1 tuần lễ																												Tháng
		Giờ LT	Giờ TT	8-2018					9-2018					10-2018					11-2018					12-2018					01-1			
				30	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31						
				4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5						
																										Ngày						
																										Tuần						
1	Vật lý đại cương 1	20	20						2	2	2	2	2	2	2	2	2	2/4	/4	/4	/4	/4	/B	ÔN VÀ THI								
2	Ngoại ngữ 1	30									4	4	4	4	4	4	4	2												Chia đôi lớp		
3	Tin học	21	48						2	2	2/4	2/4	2/4	2/4	2/4	2/4	2/4	2/4	1/4	/4	/4	/4	/B									
4	Toán thống kê y dược	45							4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5													
5	Giáo dục thể chất 1 *		30								/2	/2	/2	/2	/2	/2	/2	/2	/4	/4	/4	/4								A7,8,9 học ở kì 2		
6	Hóa đại cương vô cơ	40	40						4	4	4	4	4/4	4/4	4/4	4/4	4/4	4/4	/4	/4	/4	/4	/4,B									
7																																
8																																

Ngày 26 tháng 7 năm 2018

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Trần Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Vũ Xuân Giang



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải

LỚP		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
S Á N G	A1K73	GD thể chất (1,2,3,4) Sân tập		TTVật lý	TT Tin	Ngoại ngữ Nhóm 1 (1,2,3,4) GD 1		Toán TKYD (1,2,3,4) GD 8			TT HĐC		
				TTVật lý	TT Tin						TT HĐC		
				TTVật lý	TT Tin						TT HĐC		
	A2K73	TTVật lý	TT Tin	GD thể chất *(1,2,3,4) Sân tập		TT HĐC		Ngoại ngữ Nhóm 2 (1,2,3,4) GD 1		Tin học (2,3) Vật lý ĐC (4,5) GD 7		GD thể chất (1,2,3,4) Sân tập	
		TTVật lý	TT Tin			TT HĐC							
		TTVật lý	TT Tin			TT HĐC							
	A3K73	Ngoại ngữ Nhóm 1 (1,2,3,4) GD 1		Hóa ĐC (1,2,3,4) GD 3		GD thể chất *(1,2,3,4) Sân tập		TTVật lý	TT Tin	Toán TKYD (2,3,4,5) GD 8			TT HĐC
								TTVật lý	TT Tin				TT HĐC
								TTVật lý	TT Tin				TT HĐC
	A4K73	Ngoại ngữ Nhóm 1 (1,2,3,4) GD 2		Ngoại ngữ Nhóm 2 (2,3,4,5) GD 1		TTVật lý	TT Tin	GD thể chất *(1,2,3,4) Sân tập		Hóa ĐC (1,2,3,4) GD 3			
						TTVật lý	TT Tin						
						TTVật lý	TT Tin						
	A5K73	Hóa ĐC (1,2,3,4) GD 3		Ngoại ngữ Nhóm 2 (1,2,3,4) GD 2		Tin học (1,2) Vật lý ĐC (3,4) GD 7			TT HĐC	GD thể chất (1,2,3,4) Sân tập			
									TT HĐC				
									TT HĐC				
	A6K73	Toán TKYD (2,3,4,5) GD 7		TT HĐC		Ngoại ngữ Nhóm 1 (2,3,4,5) GD 2		Hóa ĐC (2,3,4,5) GD 5		TTVật lý	TT Tin		
				TT HĐC						TTVật lý	TT Tin		
				TT HĐC						TTVật lý	TT Tin		
	A7K73			Toán TKYD (2,3,4,5) GD 7				Vật lý ĐC (2,3) Tin học (4,5) GD 7		Ngoại ngữ Nhóm 2 (1,2,3,4) GD 1			
	A8K73	Tin học (2,3) Vật lý ĐC (4,5) GD 8				Hóa ĐC (2,3,4,5) GD 5		Ngoại ngữ Nhóm 1 (1,2,3,4) GD 2				TT Tin	TTVật lý
												TT Tin	TTVật lý
												TT Tin	TTVật lý
	A9K73	TT HĐC		Vật lý ĐC (2,3) Tin học (4,5) GD 8						Ngoại ngữ Nhóm 1 (1,2,3,4) GD 2			
		TT HĐC											
		TT HĐC											

LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
	TT	HĐC2	TT	HĐC2	TT	HĐC2	TT	HĐC2	TT	HĐC2	TT	HĐC2
C H I Ề U	A1K73	TT	HĐC2	Vật lý ĐC (6,7) Tin học (8,9) GD 7	Hóa ĐC (6,7,8,9) GD 5 GD thể chất* (7,8,9,10) Sân tập	Ngoại ngữ Nhóm 2 (6,7;8;9) GD 1	TT Tin2 TT Tin 2 TT Tin 2	TTVật lý2 TTVật lý2 TTVật lý2				
		TT	HĐC2									
		TT	HĐC2									
	A2K73	Ngoại ngữ Nhóm 1 (6,7;8;9) GD 2		TT Tin 1	TTVật lý1	Toán TKYD (6,7;8;9) GD 8	Hóa ĐC (6,7,8,9) GD 3			TT ĐHC2 TT ĐHC2 TT ĐHC2		
				TT Tin 1	TTVật lý1							
				TT Tin 1	TTVật lý1							
	A3K73	Tin học (6,7) Vật lý ĐC (8,9) GD 4		TT ĐHC1		TT Tin 1	TTVật lý1	Ngoại ngữ Nhóm 2 (6,7;8;9) GD 2	GD thể chất (7,8,9,10) Sân tập			
				TT ĐHC1		TT Tin 1	TTVật lý1					
				TT ĐHC1		TT Tin 1	TTVật lý1					
	A4K73	Toán TKYD (6,7;8;9) GD 7		GD thể chất (7,8,9,10) Sân tập		Tin học (6,7) Vật lý ĐC (8,9) GD 7		TT Tin 1	TTVật lý1	TT ĐHC1		TT ĐHC1
								TT Tin 1	TTVật lý1	TT ĐHC1		TT ĐHC1
								TT Tin 1	TTVật lý1	TT ĐHC1		TT ĐHC1
	A5K73	TTVật lý1	TT Tin1	Toán TKYD (6,7;8;9) GD 8	Ngoại ngữ Nhóm 1 (6,7;8;9) GD 1	GD thể chất *(7,8,9,10) Sân tập			TT Tin 1	TTVật lý1	TT ĐHC2	
		TTVật lý1	TT Tin 1						TT Tin 1	TTVật lý1	TT ĐHC2	
		TTVật lý1	TT Tin 1						TT Tin 1	TTVật lý1	TT ĐHC2	
	A6K73	GD thể chất *(7,8,9,10) Sân tập		Ngoại ngữ Nhóm 2 (6,7;8;9) GD 1			TT Tin2	TTVật lý2		TT ĐHC2 TT ĐHC2 TT ĐHC2	Vật lý ĐC (6,7) Tin học (8,9) GD 8	GD thể chất (7,8,9,10) Sân tập
							TT Tin 2	TTVật lý2				
							TT Tin 2	TTVật lý2				
	A7K73	TT ĐHC1			TT ĐHC2	Ngoại ngữ Nhóm 1 (6,7;8;9) GD 2	TT Tin2 TT Tin 2 TT Tin 2	TTVật lý2 TTVật lý2 TTVật lý2		Hóa ĐC (6,7,8,9) GD 3	TTVật lý2 TTVật lý2 TTVật lý2	TT Tin2 TT Tin 2 TT Tin 2
		TT ĐHC1										
		TT ĐHC1										
	A8K73	TTVật lý2	TT Tin2	Ngoại ngữ Nhóm 2 (6,7;8;9) GD 2				TT ĐHC2 TT ĐHC2 TT ĐHC2	TT ĐHC1 TT ĐHC1 TT ĐHC1		Toán TKYD (6,7,8,9) GD 7	
		TTVật lý2	TT Tin 2									
		TTVật lý2	TT Tin 2									
	A9K73	Hóa ĐC (6,7,8,9) GD 8		TTVật lý2	TT Tin2		TT ĐHC1 TT ĐHC1 TT ĐHC1		Toán TKYD (6,7,8,9) GD 7	Ngoại ngữ Nhóm 2 (6,7;8;9) GD 2	TT Tin 1	TTVật lý1
				TTVật lý2	TT Tin 2						TT Tin 1	TTVật lý1
				TTVật lý2	TT Tin 2						TT Tin 1	TTVật lý1

(Xem tiếp trang sau)

LT K73 bắt đầu từ 03/09/2018; LT Ngoại ngữ bắt đầu từ 24/09/2018

- Học phần Ngoại ngữ và Giáo dục thể chất chia 2 nhóm: Nhóm 1 (Tổ 1,2,3) ; Nhóm 2 (Tổ 4,5,6)
- Học phần Giáo dục thể chất các lớp học A7, A8, A9K73 học GDTC 1 ở học kỳ 2, các lớp từ A1-A6 tuần từ 24/09 đến 10/11/2018 học 1 buổi/tuần theo lịch GDTC, từ 12/11/2018, học 2 buổi 1 tuần theo lịch GDTC và GDTC*. Trong từng buổi, các nhóm học theo lịch như sau:

+ Tiết 1,2 (buổi sáng); tiết 7,8 (buổi chiều): Nhóm 1

+ Tiết 3,4 (buổi sáng); tiết 9,10 (buổi chiều): Nhóm 2

- TT K73 bắt đầu từ:

TT Tin học (3tổ/1ca) từ 17/09/2018

TT Vật lý (3tổ/1ca) từ 05/11/2018

TT Hóa đại cương từ 01/10/2018

- Thực tập buổi sáng 1 ca (từ 7h45)

- Thực tập buổi chiều 1 ca từ 13h30

- Thực tập buổi chiều 2 ca:

Ca 1 (từ 12h00 đến 15h20)

Ca 2 (từ 15h30 đến 18h50)

TT Tin1, TTVLý 1, TT HĐC1 (ca 1); TT Tin2, TTVLý 2, TT HĐC2 (ca 2)